

Bản án số: 142/2020/HS-ST

Ngày: 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Hồng;

Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/QĐXXST-HS ngày 21/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HS ngày 18/11/2020 đối với bị cáo họ và tên:

Lê Thị L; tên gọi khác: /; giới tính: Nữ; sinh năm 1991 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 87/2 đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Căn hộ 28.08 Block A1, Chung cư A, Khu phố 2, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang ịnh và bà Trần Thị Đ; có chồng (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2017 (bị cáo đang trực tiếp nuôi dưỡng); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L: Ông Nguyễn Quang Đ là Luật sư của Công ty luật TNHH F thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Căn hộ 19.04 Block A3, Chung cư A, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Mạnh D, sinh năm 1984; địa chỉ: Căn hộ 19.04 Block A3, Chung cư A, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Từ Vũ K, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 87/2 đường D, Phường 4, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phạm Hoàng M, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 92/5 đường R, Tổ 17A, Khu phố 2, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn hộ 19.04 Block A3, chung cư A, khu phố 2, phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà Nguyễn Thị Thanh H. Tháng 02 năm 2019, bà H có cho Lê Thị L thuê căn hộ trên. Đến tháng 9/2019, hết hạn hợp đồng thuê, L trả căn hộ lại cho bà H nhưng không trả chìa khóa căn hộ. Sau đó, bà H cho ông Trần Mạnh D thuê.

Cho rằng bà H còn nợ mình một số tiền, trong đó có tiền đặt cọc thuê căn hộ; L đòi nhiều lần bà H chưa trả; nên khoảng 20 giờ ngày 12/12/2019, lúc không có ai ở trong căn hộ, L dùng chìa khóa mở cửa căn hộ 19.04 Block A3, chung cư A, rồi nhờ ông Từ Vũ K vào tháo gỡ, mang đi một số tài sản trong căn hộ của bà H gồm: 03 máy điều hòa hiệu Panasonic, 01 tivi LCD hiệu Sony, 01 tủ lạnh hiệu Samsung, 01 máy giặt hiệu Elictrolux, 01 máy in hiệu Ricoh, 01 laptop hiệu Lenovo, 01 máy nước uống nóng lạnh hiệu Alaska.

Sau khi chiếm đoạt, L đem số tài sản trên về căn hộ của mình đang ở (22.02 Block A3 chung cư A, khu phố 2, phường G, Quận 7) cất giấu. Đến ngày 18/12/2019, bà H phát hiện mất tài sản và trình báo Công an. Công an mời L đến làm việc, L thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án: 03 (ba) máy điều hòa hiệu Panasonic; 01 (một) tivi LCD hiệu Sony; 01 (một) tủ lạnh hiệu Samsung; 01 (một) máy giặt hiệu Elictrolux; 01 (một) máy in hiệu Ricoh; 01 (một) laptop hiệu Lenovo; 01 (một) máy nước uống nóng lạnh hiệu Alaska.

Theo Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/03/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 7, kết luận:

“- 03 máy điều hòa hiệu Panasonic x 5.000.000 đồng/bộ = 15.000.000 đồng;

- 01 tivi LCD hiệu Sony có giá trị 4.500.000 đồng;

- 01 tủ lạnh hiệu Samsung có giá trị 6.300.000 đồng,

- 01 máy giặt hiệu Elictrolux có giá trị 5.300.000 đồng,

- 01 máy in hiệu Ricoh có giá trị 1.150.000 đồng,

- 01 laptop hiệu Lenovo có giá trị 3.400.000 đồng,

- 01 máy nước uống nóng lạnh hiệu Alaska có giá trị 1.150.000 đồng.”

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị: 36.800.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng)”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Thanh H theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 11/QĐ-CSĐT ngày 10/01/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì đối với bị cáo Lê Thị L.

Đối với anh Từ Vũ K và Phạm Hoàng Minh đã có hành vi giúp bị cáo tháo dỡ, di chuyển các tài sản của bà H; tại Cơ quan điều tra anh K và anh Minh khai nhận, nghĩ là L chuyển nhà nên tháo dỡ, di chuyển số tài sản trên giúp, không biết L lấy trộm các tài sản này của bà H.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 64/CT-VKSQ7 ngày 11/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo lần đầu phạm tội, đã khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo là lao động chính, đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ, tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục nuôi con còn nhỏ.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho bị hại là có căn cứ.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt; quá trình điều tra không có yêu cầu gì, tại phiên tòa vắng mặt nên không xét.

Đối với anh Từ Vũ K và Phạm Hoàng Minh không biết L lấy trộm tài sản của bà H nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến, tranh luận, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Hành vi dịch chuyển tài sản của bị cáo công khai; theo quy định tại các Điều 346, 347, 348, 349, 350 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tài sản chưa bị chiếm đoạt; hợp đồng thuê căn hộ giữa bị cáo và bị hại dù đã hết hạn, bị cáo không còn ở trong căn hộ nhưng hai bên chưa thanh lý hợp đồng nên các tài sản trong căn hộ này vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị cáo. Bị cáo không lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo không cấu thành tội Trộm cắp tài sản; do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là khiên cưỡng, oan sai. Tại bản Cáo trạng và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhận định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa xem xét toàn diện cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ khác: Bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ, bổ đê của bị cáo có công với đất nước, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; bị hại cũng có lỗi.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ, được tiếp tục nuôi dưỡng con còn nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc

kiểu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của những người liên quan trong quá trình điều tra; lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng lúc căn hộ 19.04 Block A3, chung cư A không có bà H, không có người ở; bị cáo đã lén lút vào căn hộ tháo dỡ, chiếm đoạt, mang đi các tài sản gồm: 03 máy điều hòa hiệu Panasonic; 01 tivi LCD hiệu Sony; 01 tủ lạnh hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Electrolux; 01 máy in hiệu Ricoh; 01 laptop hiệu Lenovo; 01 máy nước uống nóng lạnh hiệu Alaska. Theo Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 7 các tài sản bị cáo lén lút chiếm đoạt có giá trị 36.800.000 (ba mươi sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh phạm tội, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ; khi được Cơ quan điều tra mời làm việc, bị cáo nhận thức được hành vi của mình vi phạm pháp luật, đã khắc phục hậu quả, giao nộp lại các tài sản chiếm đoạt; gia đình bị cáo có công với đất nước, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; bản thân bị cáo là lao động chính đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; hiện là lao động chính, đang trực tiếp nuôi dưỡng con còn nhỏ nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà H đã nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt; quá trình điều tra không có yêu cầu gì, tại phiên tòa vắng mặt nên tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại ra giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Xử lý vật chứng: 03 máy điều hòa hiệu Panasonic; 01 tivi LCD hiệu Sony; 01 tủ lạnh hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Electrolux; 01 máy in hiệu Ricoh; 01 laptop hiệu Lenovo; 01 máy nước uống nóng lạnh hiệu Alaska là tài sản hợp pháp của bị hại bà H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H là có căn cứ.

[6] Các phân tích, lập luận trên của Hội đồng xét xử cũng là cơ sở để không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, hành vi của bị cáo không cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 09/12/2020.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân phường G, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Thị L cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS. (Sang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuận Phong